

Số: 289 /KH-UBND

Kon Tum, ngày 04 tháng 02 năm 2016

KẾ HOẠCH

Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2016

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/ 11/ 2005;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Chỉ thị số 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh Kon Tum về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình 74-CTr/TU ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Môi trường pháp lý

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (UBND tỉnh) đã ban hành nhiều

văn bản⁽¹⁾, quy định, chỉ đạo làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện công tác ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh.

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh với 29/30 đơn vị⁽²⁾ đã có mạng nội bộ (mạng LAN). Có khoảng 106 máy chủ; trong đó, cấp tỉnh 67 máy chủ, cấp huyện 39 máy chủ.

- Về máy tính PC tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố có khoảng 2.132 máy, số máy tính kết nối internet khoảng 97%; hầu hết cấu hình máy tính ở mức độ trung bình. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức cấp tỉnh ước đạt 87,5%; cấp huyện ước đạt 64,6%; cấp xã ước đạt 45%.

- Hệ thống trang bị an toàn, an ninh thông tin: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ đầu tư hệ thống an toàn, an ninh thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh. Hầu hết các đơn vị chưa chú trọng đầu tư trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh của đơn vị mình, chủ yếu trang bị phần mềm diệt Virus của từng máy tính riêng lẻ, chưa có hệ thống giám sát dữ liệu ra/vào của đơn vị, chưa có quy chế, quy định cụ thể về an toàn, an ninh thông tin.

3. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ tại các cơ quan nhà nước

3.1. Tình hình sử dụng hệ thống thư điện tử

- Hiện nay, tỉnh Kon Tum chưa có hệ thống thư điện tử của tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã cấp 113 tài khoản thư điện tử công vụ của Chính phủ cho các đơn vị và lãnh đạo đơn vị⁽³⁾. Việc sử dụng hộp thư điện tử Chính phủ trong công tác xử lý văn bản đã giúp cho các đơn vị tiết kiệm thời gian; công việc được xử lý một cách nhanh chóng, đảm bảo tiến độ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số đơn vị chưa thật sự quan tâm, nghiêm túc thực hiện thường xuyên thư điện tử công vụ để trao đổi, phục vụ công tác. Sau nhiều văn bản chỉ đạo của

⁽¹⁾: Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển CNTT tỉnh Kon Tum giai đoạn 2008-2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc quy định về quản lý sử dụng hệ thống thư điện tử trong các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh; Chương trình số 74-CTr/TU ngày 9/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Chỉ thị 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh Kon Tum về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2015; Quyết định 465/QĐ-UBND, ngày 23/5/2011 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 686/QĐ-UBND, ngày 25/7/2012 về việc ban hành Kế hoạch Ứng dụng CNTT phục vụ hiện đại hóa hành chính giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Lộ trình “Cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020”; Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 21/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh Kon Tum; Quyết định số 505/QĐ-BCĐCNTT ngày 26/12/2011 của Ban chỉ đạo CNTT tỉnh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT tỉnh; Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình 74-CTr/TU ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

⁽²⁾: Huyện Ia H'Drai mới thành lập chưa có mạng nội bộ LAN.

⁽³⁾: Cung cấp 36 hộp thư điện tử công vụ và 77 hộp thư điện tử cho cán bộ lãnh đạo tỉnh và các sở ngành, UBND các huyện, thành phố.

UBND tỉnh, tình hình sử dụng hộp thư điện tử công vụ đã chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn ở mức độ thấp. Qua báo cáo của các đơn vị về tình hình sử dụng thư điện tử, đến nay tỷ lệ các đơn vị sử dụng hộp thư điện tử công vụ để gửi văn bản khoảng 63%.

- Số lượng cấp thư điện tử công vụ của Chính phủ còn hạn chế so với nhu cầu của cơ quan, đơn vị, địa phương nên nhiều cán bộ, công chức, viên chức phải sử dụng hộp thư điện tử được cung cấp miễn phí như gmail, yahoo... để trao đổi thông tin (dẫn đến không đảm bảo an toàn, an ninh thông tin).

3.2. Tình hình sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử - eOffice

- Hiện nay 29/30 đơn vị đều đã được cài đặt, hỗ trợ, hướng dẫn và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành - eOffice, hầu hết cán bộ, công chức đều đã sử dụng thành thạo phần mềm (trong đó: UBND Huyện Ia H'Drai chưa được cài đặt phần mềm eOffice). Hiện nay, đã triển khai liên thông eOffice cho 10 đơn vị⁽⁴⁾ trên địa bàn tỉnh.

- Việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành eOffice nhằm áp dụng cho việc xử lý công văn đi, đến tại các đơn vị. Đa số các đơn vị đã ban hành hoặc đang triển khai xây dựng quy chế quản lý và sử dụng phần mềm văn phòng điện tử eOffice; trên 80% văn bản đến đi được xử lý trên phần mềm.

3.3. Hoạt động của Cổng thông tin điện tử

Cổng thông tin điện tử tỉnh phát huy tốt hiệu quả, chuyển tải hầu hết các thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh về các lĩnh vực kinh tế xã hội của tỉnh. Cung cấp lên nhiều loại chuyên mục thông tin với hàng ngàn trang văn bản, số liệu, hình ảnh... trên tất cả các lĩnh vực vừa phục vụ nhu cầu khai thác thông tin về Kon Tum ở trong và ngoài tỉnh, vừa phục vụ công tác tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương và giới thiệu, quảng bá về Kon Tum ra ngoài tỉnh.

- Cổng TTĐT tỉnh đã cung cấp toàn bộ hệ thống thủ tục hành chính của tỉnh và một số dịch vụ công trọng tâm của các sở.

+ Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1: 0.

+ Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2: 1.563.

+ Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: 2, bao gồm cấp giấy phép kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai theo ngành dọc) và đổi giấy phép lái xe (Sở Giao thông Vận tải).

+ Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 0.

3.4 Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện

Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện của tỉnh trang bị cho 14 điểm cầu đã đưa vào hoạt động cuối năm 2011. Đến nay, 13 điểm cầu đã đưa vào sử

(4): Gồm: Sở xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài Chính; VP UBND Tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch đầu tư; Sở Y Tế; Sở Khoa học công nghệ.

dụng, phục vụ có hiệu quả các cuộc họp giao ban, triển khai nhiệm vụ giữa UBND tỉnh và các huyện và phục vụ tốt đối với thường trực Tỉnh ủy, thường trực HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh theo dõi nắm tình hình, thông tin. Trong năm 2015, đã tổ chức khoản 45 cuộc họp giao ban.

3.5. Các ứng dụng khác

Phần mềm kế toán Misa đã được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các đơn vị; các phần mềm chuyên ngành cũng được các đơn vị sử dụng như phần mềm đo đạc, bản đồ địa chính; phần mềm báo cáo thống kê, phần mềm quản lý và cấp giấy phép lái xe ... cũng đã được đưa vào sử dụng mang lại hiệu quả.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

4.1. Về Trang thông tin điện tử

Đến nay trên toàn tỉnh có 29/30 đơn vị có trang thông tin điện tử (UBND Huyện Ia H'Drai chưa có trang TTĐT). Qua báo cáo của các đơn vị và công tác rà soát trực tiếp tại các trang thông tin điện tử, tình hình cung cấp thông tin có những chuyển biến tích cực so với thời gian trước.

- 29/30 đơn vị UBND đã cung cấp thủ tục hành chính mức độ 2 lên trang thông tin điện tử của đơn vị mình.

4.2. Về ứng dụng phần mềm một cửa điện tử

Hiện nay, huyện Đắk Tô đang ứng dụng phần mềm Một cửa điện tử eGate vào giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị trấn Đắk Tô (*Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Tân Cảnh đã được đầu tư phần mềm Một cửa điện tử eGate nhưng chưa đưa vào sử dụng*). Tình hình ứng dụng phần mềm trong năm 2015 như sau:

- *Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện:* Ngày 30/10/2013, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1175/QĐ-UBND về Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả của “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” thuộc Văn phòng HĐND-UBND huyện Đắk Tô. Theo đó có 62 nội dung công việc và thủ tục hành chính (*thuộc 09 lĩnh vực: Đất đai, môi trường; tư pháp; xây dựng; quy hoạch; hạ tầng kỹ thuật; thương mại; xây dựng cơ bản; đăng ký kinh doanh; chính sách xã hội*) được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện. Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 15/12/2015, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện đã tiếp nhận và giải quyết đối với 596 hồ sơ thủ tục hành chính (*tăng 224 hồ sơ so với năm 2014*), trong đó: 137 hồ sơ đăng ký kinh doanh; 95 hồ sơ xây dựng; 43 hồ sơ đất đai, môi trường; 121 hồ sơ tư pháp; 112 hồ sơ xây dựng cơ bản; 84 hồ sơ bảo trợ xã hội; 04 hồ sơ quy hoạch.

- *Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị trấn Đắk Tô:* Tại UBND thị trấn Đắk Tô đã triển khai phần mềm Một cửa điện tử eGate để phục vụ người dân giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa ở một số lĩnh vực như chứng thực, tư pháp hộ tịch, đất đai – xây dựng, bảo trợ xã hội, chính sách xã hội. Trong

năm 2015, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị trấn Đắk Tô đã tiếp nhận và giải quyết đối với 5.524 hồ sơ thủ tục hành chính (*tăng 517 hồ sơ so với năm 2014*), trong đó: 5.226 hồ sơ chứng thực; 04 hồ sơ chính sách xã hội; 43 hồ sơ tư pháp hộ tịch; 231 hồ sơ đất đai – xây dựng; 20 hồ sơ bảo trợ xã hội.

- *Đánh giá việc sử dụng phần mềm*: Việc giải quyết các thủ tục hành chính của các cơ quan chuyên môn và UBND thị trấn Đắk Tô đã được thực hiện nhanh hơn do hầu hết cán bộ, công chức có liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính đều có tâm lý sợ trễ hạn xử lý. Tuy nhiên, việc công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm chưa đạt hiệu quả do hạn chế về phương tiện để thực hiện việc công khai (*phần mềm sử dụng máy vi tính để thực hiện việc công khai, nên nơi đặt máy vi tính bắt buộc phải trong phòng làm việc*); do trình độ dân trí còn thấp nên đa số người dân đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để giải quyết thủ tục hành chính đều không quan tâm đến các phương tiện phục vụ việc công khai như máy hiển thị kết quả giải quyết thủ tục hành chính, máy tra cứu thủ tục hành chính...

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- Tổng số cán bộ, công chức hành chính tại các sở, ban, ngành, huyện và thành phố khoảng 3.262 cán bộ, công chức. Trong đó trình độ thạc sĩ CNTT 09 người (*7 thạc sĩ thuộc lĩnh vực giáo dục*); trình độ Đại học, Cao đẳng khoảng 131 người, chiếm tỉ lệ 4,15%; Trung cấp, Kỹ thuật viên khoảng 40 người, chiếm tỉ lệ 1,5 %; khoảng 2.958 cán bộ, công chức có trình độ chứng chỉ A trở lên về tin học, chiếm tỉ lệ 90,6 %.

- Thời gian qua khả năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh từng bước được cải thiện, qua các khóa đào tạo cán bộ CC-VC đã được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản về CNTT; nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã góp phần nâng cao năng lực công tác.

- Đến nay, 100% các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành đã phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách CNTT, trực tiếp chỉ đạo và triển khai hoạt động ứng dụng CNTT tại đơn vị. Qua đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ phụ trách phục vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý điều hành, chỉ đạo tại các cơ quan, đơn vị đã đạt được những bước chuyển biến tích cực, từ khâu tổ chức lập kế hoạch đến việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT.

6. Báo cáo về kinh phí thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015

6.1. Đối với các dự án thực hiện theo quy trình quản lý đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển

Trong năm 2015, theo Kế hoạch dự kiến triển khai Dự án phần mềm một cửa điện tử cấp huyện, thành phố. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương nên tỉnh chưa triển khai thực hiện.

6.2. Đối với các dự án, nhiệm vụ thực hiện nguồn kinh phí sự nghiệp

Tổng kinh phí các dự án, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2015 là: 6.666.000.000 đồng.

Tình hình thực hiện dự toán năm 2015: Đến nay, các dự án, nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh đã được triển khai thực hiện trong năm 2015 là 9/9 dự án, nhiệm vụ, giải ngân được: 6.666.000 đồng (*Sáu tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) đạt 100%.

(Chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo)

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2016

- Từng bước hoàn thiện mạng nội bộ tại các cơ quan nhà nước, tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống, trong các cơ quan Nhà nước. Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, kết nối đồng bộ từ cấp tỉnh đến xã, phường, thị trấn.

- Đảm bảo đến hết năm 2016, có 95 % các thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được đưa lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (thông báo các ý kiến chỉ đạo, kết luận tại các cuộc họp, hội nghị ...);

- Trang bị máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức đạt tỷ lệ: Cấp tỉnh ước đạt 89%; cấp huyện ước đạt 67%; cấp xã ước đạt 50%.

- Khoảng 80% các thông tin trao đổi; gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên môi trường mạng.

- Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành - eOffice đến các xã, phường, thị trấn và UBND huyện Ia H'Drai; tích hợp chữ ký số vào hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành – eOffice; xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; liên thông phần mềm từ cấp huyện đến cấp tỉnh và cấp Trung ương.

- Xây dựng môi trường, chính sách thuận lợi để thu hút đầu tư về lĩnh vực CNTT, thu hút nguồn nhân lực CNTT có chất lượng cao về công tác tại tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung tại các cơ quan Nhà nước của tỉnh. Đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày một tốt hơn; đến cuối năm 2016, cung cấp ít nhất 09 dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 (*những dịch vụ công thuộc nhóm được ưu tiên trong Phụ lục I của Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ*).

IV. NỘI DUNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao nhận thức và năng lực chỉ đạo, điều hành công tác ứng dụng, phát triển CNTT

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01-7-2014 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình số 74-CTr/TU ngày 9-10-2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

- Định hướng, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh, đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền và tổ chức thông tin về Nghị

quyết của Trung ương, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công nghệ thông tin.

2. Cơ chế, chính sách về phát triển công nghệ thông tin

- Triển khai hiệu quả các quy chế, quy định đã được UBND tỉnh ban hành nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong cộng đồng xã hội và hỗ trợ phát triển công nghiệp CNTT.

- Xây dựng Quy chế an toàn, an ninh thông tin; quy định sử dụng chữ ký số; quy chế quản lý văn bản đi, đến và lưu trữ hồ sơ trên môi trường mạng.

- Xây dựng mới các quy chế về cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung trên nền tảng ứng dụng (Khung) Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước tại tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT theo hình thức đối tác công – tư (PPP). Huy động mạnh mẽ nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội và các nguồn vốn khác đầu tư cho CNTT.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị của tỉnh.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT phát triển trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh, ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo lao động cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT; chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu - phát triển, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ CNTT trọng điểm, phù hợp với điều kiện của tỉnh Kon Tum.

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm CNTT sản xuất trong nước; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước làm chủ các dự án đầu tư hoặc dự án cung cấp dịch vụ CNTT cho các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng chính sách thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học về CNTT mở cơ sở đào tạo hoặc liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh. Có chính sách thu hút đội ngũ nhân lực CNTT chất lượng cao chuyển giao tri thức và công nghệ tiên tiến cho tỉnh hoặc về tỉnh làm việc.

- Rà soát quy định đối với chức năng, nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách CNTT, xây dựng chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức và chính sách đãi ngộ nhằm thu hút nguồn nhân lực CNTT có chất lượng cao làm việc trong cơ quan nhà nước.

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Bổ sung, trang bị mới các thiết bị CNTT (máy Scanner, photocopy, máy in, firewall,...); trang bị mới máy chủ (Server), thay thế các máy tính (PC) có cấu hình cũ, hết niên hạn sử dụng tại các cơ quan, đơn vị để phục vụ, đáp ứng công tác chuyên môn và công tác cải cách hành chính.

- Xây dựng Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum; điều chỉnh, xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin của tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

- Chú trọng việc nâng cấp, phát triển hạ tầng mạng lưới viễn thông và CNTT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo khả năng kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hạ tầng, thông tin quốc gia.

- Cập nhật và khai thác có hiệu quả CSDL quốc gia nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng CNTT đáp ứng triển khai tốt ứng dụng chứng thực điện tử, chữ ký số, hệ thống thư điện tử, trung tâm tích hợp dữ liệu, hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện, cổng/trang thông tin điện tử và các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh.

- Từng bước nâng cấp và mở rộng mạng viễn thông công cộng, mạng cáp quang băng rộng đến các xã, phường, thôn, làng trên toàn tỉnh.

4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước

- Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm quản lý văn bản và điều hành, triển khai đồng bộ đến các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố và triển khai đến cấp xã, phường, thị trấn. Liên thông phần mềm từ cấp huyện đến cấp tỉnh và cấp Trung ương.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số trong việc trao đổi thông tin, tích hợp ứng dụng chữ ký số vào các phần mềm ứng dụng CNTT của tỉnh như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử.

- Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ phục vụ công tác trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

- Đầu tư, xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo việc quản lý, vận hành, duy trì mạng diện rộng của tỉnh; tổ chức liên kết, tích hợp các cơ sở dữ liệu tác nghiệp của các sở, ban, ngành, và các huyện, thành phố; chia sẻ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, phục vụ triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh.

- Tăng cường xây dựng, trang bị các phần mềm ứng dụng CNTT vào các lĩnh vực như: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục, Y tế, Giao thông Vận tải, Khoa học Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các lĩnh vực khác...

5. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công trực tuyến, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng Trang thông tin điện tử của huyện Ia H'Drai và các đơn vị

đảm bảo nhu cầu cung cấp thông tin, thủ tục hành chính trên môi trường mạng; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin. Phần đầu cuối năm 2016, cung cấp lên môi trường mạng ít nhất 09 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (*những dịch vụ công thuộc nhóm được ưu tiên trong Phụ lục I của Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ*).

- Triển khai hệ thống một cửa, một cửa liên thông điện tử cho một số sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố đảm bảo minh bạch hóa thủ tục hành chính, là cầu nối người dân với cơ quan công quyền trong quá trình giao dịch các thủ tục hành chính công.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung tại một số cơ quan nhà nước, đảm bảo nguồn nhân lực để quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu và tích hợp cơ sở dữ liệu vào trung tâm dữ liệu của tỉnh.

6. Đảm bảo an toàn thông tin

- Đầu tư trang thiết bị tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công phục vụ người dân và doanh nghiệp, hệ thống quản lý văn bản và điều hành và hệ thống trung tâm dữ liệu của tỉnh.

- Ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin

- Rà soát, thực hiện tuyển dụng hoặc đào tạo cán bộ chuyên trách lĩnh vực CNTT tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là ở cấp huyện. Đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị đều có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về CNTT, đủ khả năng vận hành, khai thác các ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức phục trách, vận hành, khai thác các ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị; đào tạo nâng cao và chuyên sâu về CNTT, chú trọng đến các nội dung về bảo mật như quản trị mạng, an toàn thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu chuyên ngành...

- Đào tạo ứng dụng chữ ký số.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng tin học cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, phường, thị trấn (*theo chuẩn Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông*).

Ngoài các nội dung nêu trên; nhiệm vụ cụ thể và phân công thực hiện có **Phụ lục số 02 kèm theo**.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về tài chính

- Ngân sách địa phương đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, bao gồm: Đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, ứng dụng CNTT. Ngân sách Trung ương đầu tư cho hệ thống mạng

chuyên dụng quốc gia; các dự án ứng dụng CNTT thuộc nội bộ ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh hàng năm xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị và đảm bảo bố trí kinh phí để thực hiện.

- UBND các huyện, thành phố căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, có trách nhiệm cân đối ngân sách địa phương để đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng CNTT của địa phương mình.

2. Giải pháp triển khai

- Thủ trưởng các sở, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các dự án ứng dụng CNTT theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị về lĩnh vực Công nghệ thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị khi triển khai các dự án ứng dụng CNTT của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh (theo ngành dọc) phải có sự phối hợp chặt chẽ, lồng ghép với Kế hoạch của tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo tính đồng bộ tránh trùng lặp, gây lãng phí.

- Các ứng dụng CNTT cần triển khai mô hình thí điểm; quá đó, đánh giá hiệu quả, đúc kết, rút kinh nghiệm sau đó quyết định việc tiếp tục triển khai nhân rộng.

- Tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành Trung ương và sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ, ngành Trung ương để đảm bảo triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

3. Giải pháp tổ chức

Tiếp tục thực hiện các nội dung tại Chỉ thị số 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình 74-CTr/TU ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; các văn bản quy định khác có liên quan.

4. Giải pháp về môi trường chính sách

- Hoàn thiện môi trường pháp lý; có cơ chế, chính sách thông thoáng, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng, phát triển CNTT vào mọi lĩnh vực của đời sống, kinh tế - xã hội.

- Xây dựng cơ chế đãi ngộ, thu hút nhân tài trong lĩnh vực CNTT về công tác tại địa phương; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT đảm bảo về số

lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng và triển khai có hiệu quả việc ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2016

Tổng dự toán kinh phí để thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong năm 2016 là **6.987** triệu đồng (*chưa kể các nguồn vốn do ngân sách các huyện, thành phố cân đối, bố trí để thực hiện theo quy định*). Trước khi triển khai thực hiện từng nội dung cụ thể phải báo cáo, xin ý kiến của UBND tỉnh (*Chi tiết có Phụ lục số 03 kèm theo*).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; đồng thời, tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét cân đối bố trí kinh phí phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương và ngân sách Trung ương bổ sung (nếu có) để thực hiện các mục tiêu, nội dung Kế hoạch này; kinh phí triển khai các nội dung liên quan đến ứng dụng chứng thư số và một số nội dung phát sinh sử dụng nguồn vốn sự nghiệp chưa được bố trí trong năm 2016.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT phát triển trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu - phát triển, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ CNTT trọng điểm, phù hợp với điều kiện của tỉnh Kon Tum. Xây dựng quy định, tạo điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh, ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo lao động cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT.

- Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá, sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo, tham mưu UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn một số đơn vị triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại tại một số huyện có giao dịch, hồ sơ dịch vụ hành chính công lớn theo “Đề án hỗ trợ nhân rộng triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại tại UBND cấp huyện giai đoạn 2012 - 2015” của Bộ Nội vụ. Kết hợp lồng ghép Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước vào Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát quy định đối với chức năng, nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách CNTT, xây dựng chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức và chính sách đãi ngộ nhằm thu hút nguồn nhân lực CNTT có chất lượng cao về công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

Trên cơ sở Kế hoạch này, triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị mình đạt hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan triển khai các dự án ứng dụng, phát triển CNTT thuộc phạm vi của ngành, địa phương mình, đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án theo đúng nội dung, tiến độ của kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2016; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố khẩn trương phối hợp tổ chức thực hiện; nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, đề nghị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để được chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận: *na*

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Xuân Lâm

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2015

(Kèm theo Kế hoạch số **289** /KH-UBND ngày **04** tháng **02** năm 2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Đơn vị chủ trì	Nội dung/ hạng mục công việc năm 2015	Dự toán năm 2015	Ghi chú
1	Trang bị nâng cấp máy chủ (server).	Thay thế các máy chủ (Server) đã cũ tại các đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Trang bị máy chủ (Server) cho các đơn vị	1.200	
2	Duy trì hoạt động của Cổng thông tin điện tử.		Sở Thông tin và Truyền thông.	Chi trả kinh phí bộ phận Cổng thông tin điện tử, nhận bút tin bài năm 2015	772	
3	Nâng cấp các trang TTĐT thành phần.		Trung tâm CNTT&TT		395	
4	Hoạt động của Ban chỉ đạo UDCNTT tỉnh .	Hoạt động của Ban chỉ đạo UDCNTT tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		211	
5	Duy trì phần mềm văn phòng điện tử. liên thông eOffice	Duy trì phần mềm văn phòng điện tử cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Duy trì hoạt động phần mềm cho 30 đơn vị (29 sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND)	1.380	

6	Đào tạo ứng dụng CNTT.	Đào tạo ứng dụng CNTT cho cán bộ cấp xã, cán bộ phụ trách CNTT tại các đơn vị	Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm CNTT&TT		385	
7	Trang bị thay thế máy tính cũ, hỏng hàng năm cho các sở, ngành, UBND các huyện, TP	Trang bị thay thế máy tính cũ, hỏng	Sở Thông tin và Truyền thông	Thay thế các máy tính cũ tại các đơn vị	2.000	
8	Hoạt động trung tâm tích hợp dữ liệu		Trung tâm CNTT&TT		83	
9	Thuê đường truyền 30 MB phục vụ Công TTĐT tỉnh		Trung tâm CNTT&TT		240	
Tổng Cộng					6.666	

PHỤ LỤC SỐ 03: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2016

(Kèm theo Kế hoạch số **289** /KH-UBND ngày **04** tháng **02** năm 2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Đơn vị chủ trì	Nội dung/ hạng mục công việc năm 2016	Dự toán năm 2016	Ghi chú
A	Chi đầu tư phát triển	Quyết định 1247/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016. Trong đó, chưa có nguồn vốn đầu tư phát triển.				
B	Chi sự nghiệp				6.987	
1	Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ Dự án thí điểm đầu tư TTB ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước theo QĐ phê duyệt của Bộ TTTT	Xây dựng các nội dung đối ứng đáp ứng được yêu cầu của Bộ Thông tin và truyền thông để lắp đặt trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Hệ thống giám sát an ninh trung tâm dữ liệu, hệ thống phòng và chống cháy (báo cháy tự động, chữa cháy), hệ thống chống sét lan truyền, sét nguồn viễn thông, tiếp đất, hệ thống cầu cáp, đường truyền 30Mbps	1.580	
2	KP thuê đường truyền giao ban trực tuyến. Kết nối công TTĐT Chính phủ; Hoạt động Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT thành phần VP UBND		Văn phòng UBND tỉnh	Chi trả kinh phí bộ phận Công thông tin điện tử, nhuận bút tin bài năm 2016; kinh phí thuê đường truyền giao ban trực tuyến; Kết nối Công TTĐT Chính phủ	1.344	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2016 theo Quyết định 1247/QĐ-UBND ngày 10/12/2015

3	Triển khai Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử		Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông điều tra, khảo sát, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể nhiệm vụ này báo cáo UBND tỉnh xem xét cho chủ trương thực hiện cụ thể.	2.300	
4	Duy trì phần mềm văn phòng điện tử. liên thông eOffice	Duy trì phần mềm văn phòng điện tử cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Duy trì hoạt động phần mềm cho 30 đơn vị (29 sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND)	1.380	
5	Hoạt động của Ban chỉ đạo UDCNTT tỉnh .	Hoạt động của Ban chỉ đạo UDCNTT tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		50	
6	Đào tạo ứng dụng CNTT.	Đào tạo ứng dụng CNTT cho cán bộ cấp xã, cán bộ phụ trách CNTT tại các đơn vị	Sở Nội vụ		333	
Tổng số					6.987	

PHỤ LỤC SỐ 02: MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số **289** /KH-UBND ngày **04** tháng **02** năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian	Ghi chú
I.	Nâng cao nhận thức và năng lực chỉ đạo điều hành công tác ứng dụng, phát triển CNTT				
1	Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình số 74-CTr/TU ngày 9-10-2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban tuyên giáo Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan báo chí	2016	
2	Hướng dẫn, định hướng các cơ quan báo chí đẩy mạnh, đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền và tổ chức thông tin về Nghị quyết 36-NQ/TW; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công nghệ thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban tuyên giáo Tỉnh ủy; các cơ quan báo chí	2016-2020	
II	Cơ chế chính sách về phát triển công nghệ thông tin				
1	Triển khai hiệu quả các quy chế, quy định đã được UBND tỉnh ban hành nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển CNTT trong cơ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan	2016	

	quan nhà nước, trong cộng đồng xã hội và hỗ trợ phát triển công nghiệp CNTT.				
2	Xây dựng Quy chế an toàn, an ninh thông tin; quy định sử dụng chữ ký số; quy chế quản lý văn bản đi, đến và lưu trữ hồ sơ trên môi trường mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan	2016	
3	Xây dựng mới các quy chế về cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung trên nền tảng ứng dụng (Khung) Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước tại tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan		
4	Xây dựng cơ chế, chính sách triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT theo hình thức đối tác công – tư (PPP). Huy động mạnh mẽ nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội và các nguồn vốn khác đầu tư cho CNTT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan		
5	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan		
6	Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông		

	nghiệp CNTT phát triển trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh, ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo lao động cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT; chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu - phát triển, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ CNTT trọng điểm, phù hợp với điều kiện của tỉnh Kon Tum.		và các đơn vị liên quan		
7	Ưu tiên sử dụng các sản phẩm CNTT sản xuất trong nước; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước làm chủ các dự án đầu tư hoặc dự án cung cấp dịch vụ CNTT cho các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị liên quan	2016-2020	
8	Xây dựng chính sách thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học về CNTT mở cơ sở đào tạo hoặc liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh. Có chính sách thu hút đội ngũ nhân lực CNTT chất lượng cao chuyển giao tri thức và công nghệ tiên tiến cho tỉnh hoặc về tỉnh làm việc.	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016-2020	
9	Rà soát quy định đối với chức năng, nhiệm vụ	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các	2016-2018	

	vụ của cán bộ chuyên trách CNTT, xây dựng chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức và chính sách đãi ngộ nhằm thu hút nguồn nhân lực CNTT có chất lượng cao làm việc trong cơ quan nhà nước		đơn vị liên quan.		
III	<i>Hạ tầng kỹ thuật</i>				
1	Bổ sung, trang bị mới các thiết bị công nghệ thông tin (máy Scanner, photocopy, máy in, firewall,...); trang bị mới máy chủ (Server), thay thế các máy tính (PC) có cấu hình cũ, hết niên hạn sử dụng tại các đơn vị để phục vụ công tác chuyên môn và công tác cải cách hành chính.	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Xây dựng Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum; Điều chỉnh, xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin của tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016	
3	Chú trọng việc nâng cấp, phát triển hạ tầng mạng lưới viễn thông và CNTT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo khả năng kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016	

	hạ tầng, thông tin quốc gia.				
4	Cập nhật và khai thác có hiệu quả CSDL quốc gia nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục...	Các đơn vị liên quan	2016-2020	
5	Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng CNTT đáp ứng triển khai tốt ứng dụng chứng thực điện tử, chữ ký số, hệ thống thư điện tử, trung tâm tích hợp dữ liệu, hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện, cổng/trang thông tin điện tử và các dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	2016-2020	
6	Từng bước nâng cấp và mở rộng mạng viễn thông công cộng, mạng cáp quang băng rộng đến các xã, phường, thôn, làng trên toàn tỉnh.	Các doanh nghiệp Viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	2016-2020	
IV	<i>Ứng dụng CNTT trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước</i>				
1	Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm quản lý văn bản và điều hành, triển khai đồng bộ đến các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND huyện, thành phố và triển khai đến cấp xã. Liên thông phần mềm từ cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016	

	đến cấp tỉnh và cấp Trung ương.				
2	Triển khai ứng dụng Chữ ký số trong việc trao đổi thông tin, tích hợp ứng dụng Chữ ký số vào các phần mềm ứng dụng CNTT của tỉnh như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện các nội dung ứng dụng Chữ ký số.	2016	
3	Tăng cường sử dụng thư điện tử trong việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và giữa cá nhân với tổ chức.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị liên quan	2016	
4	Đầu tư, xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo việc quản lý, vận hành, duy trì mạng diện rộng của tỉnh; tổ chức liên kết các cơ sở dữ liệu tác nghiệp của các sở, ban, ngành, và các huyện, thành phố; chia sẻ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh và các đơn vị trong tỉnh, phục vụ triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016-2020	
5	Tăng cường xây dựng, trang bị các phần mềm ứng dụng CNTT vào các lĩnh vực như: Kế hoạch đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục, Y tế, Giao thông vận tải, Khoa học công nghệ, Nông	Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải,	Các đơn vị liên quan	2016-2020	

	ng nghiệp và Phát triển nông thôn và các lĩnh vực khác...	Sở Khoa học công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...			
V	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp				
1	Hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công trực tuyến, phục vụ người dân và doanh nghiệp .	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	2016	
2	Xây dựng Trang thông tin điện tử của huyện Ia H'Drai và các xã, phường, thị trấn, đảm bảo nhu cầu cung cấp thông tin, thủ tục hành chính lên môi trường mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin. Phần đầu cuối năm 2016, cung cấp lên môi trường mạng ít nhất 9 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (những dịch vụ công thuộc nhóm được ưu tiên trong Phụ lục I của Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ).	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện Ia H'Drai	Các đơn vị liên quan	2016	
3	Triển khai hệ thống một cửa, một cửa liên thông điện tử cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố đảm bảo minh	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	2016-2020	

	bạch hóa thủ tục hành chính, là cầu nối người dân với cơ quan công quyền trong quá trình giao dịch các thủ tục hành chính.				
4	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng tại một số cơ quan nhà nước, đảm bảo nguồn nhân lực để quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu và tích hợp cơ sở dữ liệu vào trung tâm dữ liệu của tỉnh.	Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ...	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	2016-2020	
VI	<i>Đảm bảo an toàn thông tin</i>				
1	Đầu tư trang thiết bị tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công phục vụ người dân và doanh nghiệp, hệ thống quản lý văn bản và điều hành và hệ thống trung tâm dữ liệu của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan	2016-2020	
2	Ban hành quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan	2016	
VII	<i>Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin</i>				

1	Đào tạo ứng dụng chữ ký số	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Cơ yếu Chính phủ, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan	2016	
2	Đào tạo, bồi dưỡng tin học cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, phường, thị trấn (theo chuẩn Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016	
3	Đào tạo cho nhân viên vận hành CNTT tại các đơn vị; đào tạo nâng cao và chuyên sâu về CNTT, chú trọng đến các nội dung về bảo mật như quản trị mạng, an toàn thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2016	